

Phong Thổ, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Số: 08/HĐPH-PTP

V/v hướng dẫn Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến hành vi thực hiện nghĩa vụ quân sự

Kính gửi:

- Trung tâm Văn hóa TT&TT huyện;
- Các đồng chí thành viên Hội đồng NVQS huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Thông báo số 11/TB-UBND huyện ngày 24/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ thông báo kết luận của đồng chí Trần Bảo Trung - Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch HĐNVQS huyện (mở rộng) lần thứ 2.

Phòng Tư pháp - cơ quan Thường trực Hội đồng PBGDPL huyện Phong Thổ hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến thực hiện nghĩa vụ quân sự

1. Cơ sở pháp lý để xử phạt vi phạm hành chính

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

- Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định 120/2013NĐ-CP ngày 9/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu. Nghị định 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Thông tư 95/2014/TT-BQP ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

2. Hành vi vi phạm và thẩm quyền xử phạt

2.1. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự

2.1.1. Theo quy định tại Điều 6 của Nghị định 120/2013/NĐ-CP được sửa bởi Nghị định 37/2022/NĐ-CP thì hành vi vi phạm quy định về kiểm tra, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự bị xử phạt như sau:

“Điều 6. Vi phạm quy định về kiểm tra, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm kiểm tra, khám sức khỏe ghi trong lệnh gọi kiểm tra hoặc khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cố ý không nhận lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Người được khám sức khỏe có hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự;

b) Đưa tiền, tài sản, hoặc lợi ích vật chất khác trị giá đến dưới 2.000.000 đồng cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc người khác để làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của người được kiểm tra hoặc người được khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự”

2.1.2. Theo quy định tại Điều 37 của Nghị định 120/2013/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 37/2022/NĐ-CP (thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp)

Chủ tịch UBND cấp xã được phạt tiền đến 5.000.000đ trên lĩnh vực Quốc phòng và Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2b Nghị định này "(a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; b) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng giấy phép; c) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh".

Như vậy, theo mức phạt từ 10 đến 35 triệu đồng nên không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (Quy định cũ của Nghị định 120/2013/NĐ-CP thì mức phạt tiền dưới 5.000.000 đồng nên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã). Căn cứ Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì thẩm quyền xử phạt và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thuộc Chủ tịch UBND cấp huyện.

2.2. Đối với hành vi cản trở thực hiện nghĩa vụ quân sự

Đây là hành vi vi phạm phổ biến của gia đình có thanh niên trong độ tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự như:

- Không giao giấy báo khám sức khỏe, lệnh gọi nhập ngũ; không phối hợp với người có thẩm quyền trong việc nhận thông báo, lệnh khám sức khỏe, lệnh gọi nhập ngũ (*lý do hành vi thường là: không biết con mình làm ở đâu, đang ở đâu nên không thể giao Lệnh khám sức khỏe, lệnh nhập ngũ...*). Trường hợp này người có thẩm quyền lập biên bản và xử lý về hành vi cản trở người có trách nhiệm thi hành nhiệm vụ về đăng ký nghĩa vụ quân sự, sơ tuyển nghĩa vụ quân sự, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, thực hiện lệnh gọi nhập ngũ, với mức phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 120/2013/NĐ-CP.

Nghị định 37/2022/NĐ-CP thì đã bỏ xử lý các hành vi này.

2.3. Đối với các hành vi: Vi phạm các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự (Điều 4); Vi phạm quy định sơ tuyển thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 5); Vi phạm quy định về nhập ngũ (Điều 7); Vi phạm quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ (Điều 8) và vi phạm các quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 9) Nghị định 120/2013/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 37/2022/NĐ-CP thì thẩm quyền xử phạt và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là của Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp tỉnh.

2.4. Về “Lý do chính đáng”, Hành vi “gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình”, Hành vi “cản trở” quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Nghị định 120/2013/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 37/2022/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể tại các Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Thông tư 95/2014/TT-BQP. UBND cấp xã cần phải nghiên cứu kỹ các quy định này để áp dụng trường hợp nào là lý do chính đáng để không ban hành quyết định xử phạt; trường hợp nào là gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình... Cụ thể:

2.4.1. Điều 5. “Lý do chính đáng” quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP như sau:

"1. Lý do chính đáng quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là một trong các lý do sau:

a) Người phải thực hiện việc sơ tuyển nghĩa vụ quân sự; kiểm tra hoặc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự; khám sức khỏe tuyển chọn sĩ quan dự bị; chấp hành lệnh gọi nhập ngũ; lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị; lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu (sau đây viết gọn là người thực hiện nghĩa vụ quân sự) nhưng bị ốm hoặc trên đường đi bị ốm, tai nạn.

b) Thân nhân của người thực hiện nghĩa vụ quân sự gồm bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp đang bị ốm nặng.

c) Thân nhân của người thực hiện nghĩa vụ quân sự gồm bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp chết nhưng chưa tổ chức tang lễ.

d) Nhà ở của người thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc nhà ở của thân nhân người thực hiện nghĩa vụ quân sự nằm trong vùng đang bị thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn làm ảnh hưởng đến cuộc sống.

đ) Người thực hiện nghĩa vụ quân sự không nhận được giấy gọi sơ tuyển nghĩa vụ quân sự; kiểm tra hoặc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự; khám sức khỏe tuyển chọn sĩ quan dự bị; lệnh gọi nhập ngũ; lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị; lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu do lỗi của người hoặc cơ quan có trách nhiệm hoặc do hành vi của người khác gây khó khăn hoặc cản trở quy định tại Điều 8 Chương II Thông tư này.

2. Trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc bệnh viện, trạm y tế cấp xã; trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều này phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

2.4.2. Điều 6. Hành vi “gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 và Điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

Hành vi “gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 và Điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là một trong các hành vi sau:

"1. Sử dụng các hình thức hoặc biện pháp làm thay đổi tình trạng sức khỏe của bản thân.

2. Sửa chữa kết quả về tình trạng sức khỏe của bản thân trong thực hiện kiểm tra hoặc khám sức khỏe.

3. Nhờ người khác để kiểm tra hoặc khám sức khỏe thay".

2.4.3. Điều 8. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

"1. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là hành vi do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, thể hiện bằng một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo hoặc thông báo chậm các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ.

b) Dùng lời nói, hành động ngăn cản, đe dọa về vật chất hoặc tinh thần đối với người có trách nhiệm thi hành nhiệm vụ về đăng ký nghĩa vụ quân sự, sơ tuyển nghĩa vụ quân sự, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, thực hiện lệnh gọi nhập ngũ.

2. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là hành vi biểu hiện bằng lời nói hoặc hành động như ngăn cản, đe dọa về vật chất hoặc tinh thần để người khác không dám tham gia lực lượng dân quân tự vệ hoặc làm cho người có trách nhiệm trong việc tổ chức, chỉ huy, điều hành lực lượng dân quân tự vệ không thực hiện được nhiệm vụ của mình đối với việc tổ chức, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.

3. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là hành vi biểu hiện bằng lời nói hoặc hành động như ngăn cản, đe dọa về vật chất hoặc tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ trong thực hiện nhiệm vụ”.

3. Về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

3.1. Lập Biên bản vi phạm hành chính:

Thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 43 Nghị định 120/2020NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 37, cụ thể:

- Điều 43. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng

"1.Những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42 của Nghị định này.

2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam; Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ

3. Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính trong những lĩnh vực quy định tại Nghị định này.”

- Mẫu Biên bản vi phạm hành chính: Lập theo Biểu mẫu biên bản số 01 được ban hành kèm theo Nghị định 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Lưu ý khi lập Biên bản vi phạm hành chính: Biên bản phải có chữ ký của người vi phạm; trường hợp người vi phạm không ký thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương cấp xã hoặc của 01 người chứng kiến; trường hợp không có chính quyền địa phương cấp xã, không có người chứng kiến thì biên bản phải ghi rõ lý do. Biên bản phải giao cho người vi phạm 01 bản, trường hợp người vi phạm không ký biên bản hoặc không nhận biên bản thì phải có biên bản về việc cá nhân không nhận biên bản vi phạm hành chính.

3.2. Chuyển hồ sơ để xử phạt vi phạm hành chính

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, UBND xã, phường, thị trấn gửi hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử phạt theo thẩm quyền, hồ sơ gồm: Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản về việc cá nhân không nhận Biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp cá nhân không nhận biên bản; Văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định xử phạt; dự thảo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan (có các mẫu biên bản kèm theo.)

3.3. Gửi và thi hành quyết định xử phạt

Sau khi Chủ tịch UBND huyện ký Quyết định xử phạt, UBND xã, thị trấn nhận và giao Quyết định xử phạt cho người vi phạm trong thời hạn 02 ngày, đồng thời theo dõi, đôn đốc người vi phạm chấp hành Quyết định xử phạt. Trường hợp người vi phạm không chấp hành Quyết định xử phạt và biện pháp buộc khắc phục hậu quả thì tham mưu người có thẩm quyền cưỡng chế thi hành. Các hồ sơ xử phạt, cưỡng chế cần lưu trữ đảm bảo để làm cơ sở cho xử lý hình sự nếu còn tiếp tục vi phạm.

Phòng Tư pháp - cơ quan Thường trực Hội đồng PHPBGDPL huyện đề nghị:

- Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông huyện đăng tải nội dung hướng dẫn lên Trang Thông tin điện tử huyện; thu âm nội dung các quy định nêu trên phát trên hệ thống loa truyền thanh huyện; sao gửi file thu âm gửi các xã, thị trấn để tuyên truyền.

- Các thành viên Hội đồng NVQS huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ quân sự huyện năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐNVQS huyện (b/c)
- Chủ tịch HĐ.PHPBGDPL huyện (b/c)
- U2 (b/c);
- Lưu: PTP.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP
Đào Văn Vĩnh**